

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HS-ST

Ngày 25-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG - TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngự;

2. Ông Nguyễn Văn Thuyết;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:**

Ông Dương Văn Thịnh - Kiểm sát viên và bà Trần Thị Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2025/TLST- HS, ngày 14 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 3 năm 2025

Đối với bị cáo: **Nguyễn Đức C**, sinh năm 1984, tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Nà K, xã Đồng X, huyện Na R, tỉnh Bắc K; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Đệ, sinh năm 1961 và bà Mạc Thị Thuyền, sinh năm 1959; có vợ Luân Thúy Hạnh, sinh năm 2002, con: có 01 con, sinh năm 2020 (đã chết).

- Tiền sự: Không có.

- Tiền án: 01. Ngày 26/8/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2024).

Nhân thân: Tại Quyết định khởi tố bị can số 37/QĐ-ĐTTH ngày 03/11/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Na Rì, tỉnh Bắc K đối với Nguyễn Đức C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại Quyết định khởi tố bị can số 39/QĐ-ĐTTH ngày 22/11/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Na Rì, tỉnh Bắc K đối với Nguyễn Đức C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can số 13/QĐ-ĐTTH ngày 07/11/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Na Rì, tỉnh Bắc K đối với Nguyễn Đức C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại Quyết định khởi tố bị can số 601/QĐ-ĐTTH ngày 13/12/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đối với Nguyễn Đức C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc K trong vụ án khác (có mặt).

- Bị hại:

Chị Ma Thị Yên, sinh năm 1988; nơi thường trú: Xóm Đồng Danh, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Mai Nhung, sinh năm 1980; nơi thường trú: xóm 9, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

+ Anh Lương Văn Dân, sinh năm 1987; nơi thường trú: xóm Đồng Dao, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

+ Anh Trần Đoàn Thảo, sinh năm 1993; nơi thường trú: xóm Thái Hà, xã Na Mao, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

+ Anh Hoàng Văn Long, sinh năm 1959; nơi thường trú: xóm Bằng Ninh, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn Khánh, sinh năm 1988; nơi thường trú: thôn Nà K, xã Đồng X, huyện Na R, tỉnh Bắc K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức C là người nghiện ma túy không có nghề nghiệp ổn định. Tháng 4/2024, C làm công nhân của xưởng sản xuất viên gỗ nén do anh Lý Duy Giang làm chủ, tại xóm Đồng Danh, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương; sau đó, nghỉ việc sống lang thang. Do không có tiền chi tiêu và mua ma túy sử dụng nên C đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 17 giờ ngày 08/9/2024, C một mình đi xe ô tô buýt từ thành phố Thái Nguyên về Bắc K, khi đến khu vực xóm Đồng Danh, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên thì xuống xe, mục đích là tìm người quen để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi đi qua nhà anh Lương Ngọc Dân, (sinh năm 1987; trú tại xóm Đồng Danh, xã Yên Ninh), C thấy anh Dân và chị Ma Thị Yên (sinh năm 1988 là vợ của anh Dân) vừa đi xe ô tô về đến nhà, anh Dân và

chị Yên là những người quen của C cùng làm ở xưởng sản xuất viên gỗ nén của anh Giang trước đó, C biết chị Yên có 01 xe mô tô hay sử dụng đi làm tại xưởng nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của chị Yên; liền đó, C nhờ anh Dân đưa đi mua mì tôm, anh Dân đồng ý rồi lái xe ô tô đưa C đi mua mì tôm; sau đó, C mang thùng mì tôm đến xưởng sản xuất viên gỗ nén ở gần nhà chị Yên, mục đích là tìm cách để lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của chị Yên. Khi vào xưởng, C gặp anh Trần Đoàn Thảo (sinh năm 1993), anh Nguyễn Văn Khánh, sinh năm 1988 là công nhân của xưởng gỗ nén, anh Hoàng Văn Long (sinh năm 1959) là bảo vệ của xưởng gỗ nén; C nói với anh Khánh là đi chở gỗ cho Phân trại số 5 - Trại giam Phú Sơn 4 đang chờ xuống gỗ nên đến thăm anh em quen biết, sau đó ngủ lại tại phòng bảo vệ của xưởng, mục đích để tìm cách chiếm đoạt xe mô tô của chị Yên.

Khoảng 09 giờ ngày 09/9/2024, C đi đến nhà chị Yên và thấy trong nhà bếp có 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Syrius. BKS: 20E1- 365.19. C hỏi chị Yên cho mượn xe mô tô để đi mua trứng gà. Do đã quen biết C từ trước nên chị Yên đi vào trong nhà bếp dắt chiếc xe mô tô, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện ra sân giao xe cho C, bên trong cốp xe mô tô có 01 (một) giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 (một) căn cước công dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế và 02 (hai) thẻ ngân hàng gồm 01 thẻ ngân hàng VP Bank và 01 thẻ ngân hàng TP Bank đều mang tên Ma Thị Yên. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô, C điều khiển xe đi theo đường Quốc lộ 3 về thành phố Thái Nguyên để tìm nơi tiêu thụ xe. Khi đến khu vực xóm 9, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương C thấy có quầy kinh doanh mua bán xe mô tô cũ “Ngọc Tân” do chị Trần Thị Mai Nhung, sinh năm 1980 làm chủ. C vào gặp chị Nhung để bán xe mô tô vừa chiếm đoạt được của chị Yên. C nói với chị Nhung, xe mô tô là của vợ C - tên là Yên bảo C mang bán; đồng thời, mở cốp xe lấy đăng ký xe mang tên Ma Thị Yên và căn cước công dân của chị Yên đưa cho chị Nhung đối chiếu, chị Nhung thấy đúng tên trong đăng ký xe nên đã đồng ý mua chiếc xe mô tô với giá 7.000.000 đồng (bảy triệu tiền Việt Nam đồng) và trả đủ tiền cho C (chị Nhung giữ lại giấy đăng ký xe mô tô mang tên Ma Thị Yên). Khi viết giấy mua bán xe mô tô với chị Nhung, C lấy tên giả là Nguyễn Đức Huy để tránh bị phát hiện, khoảng 03 ngày sau, chị Nhung đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người nam giới không quen biết, không rõ địa chỉ với giá 9.000.000 đồng (đồng thời, đưa giấy đăng ký xe mô tô cho người đó). Sau khi bán xe được 7.000.000 đồng, C đi xuống thành phố Thái Nguyên và đã chi tiêu hết số tiền trên. Toàn bộ giấy tờ tùy thân, thẻ ngân hàng của chị Yên, C đã vứt bỏ không rõ địa điểm nên hiện không thu hồi được. Ngày 12/10/2024, C lên Bắc K và thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị Công an huyện Na Rì, tỉnh Bắc K bắt giữ. C khai nhận ngày 09/9/2024 đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô BKS: 20E1 - 365.19 của chị Yên tại địa bàn huyện Phú Lương. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Na Rì đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lương để điều tra xử lý theo thẩm quyền. Về phía chị Yên sau khi bị C lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 20E1- 365.19 chị đã tìm C nhưng không được, đến ngày 27/11/2024 đã làm đơn trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lương.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 1763/KL-HĐĐGTS ngày 10/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Phú Lương, kết luận: 01 (một) xe mô tô BKS: 20E1 - 365.19, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu sơn: trắng-đen, số khung: RLCUE3740KY014167, số máy: E32VE033820 có giá trị là: 11.950.000đ (mười một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), hiện không thu hồi được.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức Chính đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nêu trên, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Về phân trách nhiệm dân sự: chị Ma Thị Yên yêu cầu Nguyễn Đức C phải bồi thường cho gia đình chị số tiền là 11.950.000đ (mười một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo như giá trị đã được Hội đồng định giá tài sản kết luận. C đồng ý nhưng chưa bồi thường cho chị Yên.

Vật chứng vụ án: Không có.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Bị cáo xác định không bị ép cung, nhục hình, khai báo trong tình trạng sức khỏe tốt, tinh táo; được nhận bản Cáo trạng, đã đọc kỹ và nghe công bố tại phiên tòa, không thắc mắc về nội dung bản Cáo trạng; được nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đức C theo Cáo trạng số 14/CT-VKSPL ngày 12/02/2025, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1 điều 51 BLHS là “người phạm tội tự thú” và “người phạm tội thành khẩn khai báo”; bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS là “tái phạm”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án của bản án này, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Về trách nhiệm dân sự: Cần chấp nhận yêu cầu bồi thường của chị Ma Thị Yên, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Ma Thị Yên số tiền 11.950.000 đồng.

Về vật chứng: Không có.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh tụng: Bị cáo nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại - chị Ma Thị Yên, sau khi bị cáo đi chấp hành án sẽ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 11.950.000 đồng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa là bị hại chị Ma Thị Yên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mai Nhung; những người làm chứng: anh Lương Văn Dân, anh Trần Đoàn Thảo, anh Hoàng Văn Long và Nguyễn Văn Khánh, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng những người này vắng mặt (bị hại chị Ma Thị Yên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mai Nhung có đơn xin xét xử vắng mặt). Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của những người này, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đề nghị xét xử vắng mặt đối với họ. Quá trình điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên việc vắng mặt họ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Việc Tòa án xét xử vắng mặt các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại (chị Ma Thị Yên); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Trần Thị Mai Nhung); người làm chứng (anh Lương Văn Dân, anh Trần Đoàn Thảo, anh Hoàng Văn Long và Nguyễn Văn Khánh) theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3] Xét về hành vi của bị cáo: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm và thực nghiệm điều tra tại hiện trường và những chứng cứ, tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Do không có tiền chi tiêu và mua ma túy để sử dụng nên bị cáo Nguyễn Đức Chính đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của chị Ma Thị Yên, trú tại xóm Đồng Danh, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương mang bán lấy tiền chi tiêu. Khoảng 09 giờ ngày 09/09/2024, Chính đến nhà chị Yên gặp và hỏi mượn

xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius BKS: 20E1- 365.19 trị giá 11.950.000đ của chị Yên, nói dối với chị Yên là để đi mua trứng gà. Do quen biết bị cáo từ trước, nên chị Yên đã giao xe mô tô cho C. Sau khi chiếm đoạt được xe, Chính không đi mua trứng gà như đã nói với chị Yên mà mang xe đến xóm 9 xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương bán cho chị Trần Thị Mai Nhung với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, chị Nhung đã bán xe mô tô trên cho một người nam giới, không quen biết, không rõ địa chỉ với giá 9.000.000 đồng. Hiện không thu hồi được chiếc xe mô tô trên. Bị hại - chị Yên yêu cầu C phải bồi thường trị giá xe mô tô là 11.950.000đ. Hiện nay, C chưa bồi thường cho chị Yên.

Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 174 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung khoản 1, Điều 174 BLHS năm 2015 quy định như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xã hội, phải xét xử bằng pháp luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần có mức án nghiêm minh để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có 01 tiền án: năm 2022, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 30/10/2024 và ngày 03/11/2024, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Na Rì, tỉnh Bắc K khởi tố bị can về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 13/12/2024, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tự thú về hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là: “người phạm tội tự thú” và “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS là “tái phạm”. Do đó, xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, buộc cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung, không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 174 đối với bị cáo vì bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, lao động tự do, không có thu nhập ổn định, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có điều kiện kinh tế khó khăn.

[6] Mức hình phạt và các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án: Không có.

[8] Về phần dân sự: Bị hại - chị Ma Thị Yên có đơn xin xét xử vắng mặt: phân hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật; về phần hình sự: yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị giá trị chiếc xe mô tô với số tiền là 11.950.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận bồi thường cho chị Yên số tiền trên; do đó, cần chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Ma Thị Yên số tiền 11.950.000 đồng.

Đối với chị Trần Thị Mai Nhung là người đã mua chiếc xe mô tô BKS: 20E1- 365.19 do bị cáo C lừa đảo chiếm đoạt của chị Yên ngày 09/9/2024, quá trình điều tra xác định chị Nhung không biết đó là tài sản do Chính phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lương không xử lý đối với chị Nhung là phù hợp. Chị Nhung có đơn xin xét xử vắng mặt và không có đề nghị gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 326, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Điều 584, 585, 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức C 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án của bản án này.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải bồi thường cho chị Ma Thị Yên số tiền 11.950.000đ (mười một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 597.500đ (năm trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho bị hại chị Ma Thị Yên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mai Nhung vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Cơ quan THAHS - Công an tỉnh TN;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trường Giang

